

Số: /TTr - HĐQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty May 10 – CTCP

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty May 10-CTCP**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số: 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 02/05/2020;

Hội đồng quản trị Tổng công ty May 10 - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua nội dung dự kiến sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty May 10 - CTCP như sau:

I. Lý do sửa đổi, bổ sung:

Để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021), Luật chứng khoán 2019 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021) và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng như thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

II. Những nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:

- Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét sửa đổi, bổ sung 37 điều (Gồm các Điều 1, 6, 7, 9, 12, 15, 16, 19, 20, 21, 22, 23, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 38, 39, 41, 42, 43, 44, 45, 48, 49, 56, 58, 61, 62) để đảm bảo tính tuân thủ, minh bạch, công khai theo quy định của pháp luật.

(Chi tiết dự thảo nội dung sửa đổi Điều lệ tại Phụ lục 01 kèm theo Tờ trình)

III. Hiệu lực của Điều lệ:

Điều lệ có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua Điều lệ Tổng công ty May 10 – CTCP và ủy quyền cho Hội đồng quản trị ban hành và thực hiện Điều lệ Tổng công ty đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu HĐQT, TCHC. ĐVT.

Vũ Đức Giang

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

PHỤ LỤC 01

Kèm theo Tờ trình số : /TTr- HĐQT ngày tháng năm 2021
Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty May 10 – CTCP

Điều lệ Tổng công ty May 10 năm 2020	Dự thảo Điều lệ Tổng công ty May 10 năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>Phần mở đầu Căn cứ: <u>- Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 ;</u> <u>- Luật chứng khoán số: 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số: 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;</u> <u>- Quyết định số: 105/2004/QĐ-BCN ngày 05 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty May 10 thành Công ty cổ phần May 10;</u></p>	<p>Phần mở đầu Căn cứ: <u>- Luật doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;</u> <u>- Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019;</u> <u>- Quyết định số: 105/2004/QĐ-BCN ngày 05 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty May 10 thành Công ty cổ phần May 10;</u></p>	<p>Dẫn chiếu phù hợp với văn bản pháp luật hiện hành</p>

<p>- Điều lệ Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty May 10 <u>thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2018</u>, chính thức có hiệu lực ngày 13/09/2018;</p> <p>Chúng tôi, những cổ đông Tổng công ty nhất trí thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung bản Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần <u>thông qua ngày 02 tháng 05 năm 2020</u> và cùng cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ. Bản Điều lệ này sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần.</p>	<p>- Điều lệ Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông <u>thông qua ngày 02/05/2020</u>; Chúng tôi, những cổ đông Tổng công ty nhất trí thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung bản Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần <u>thông qua ngày 17 tháng 04 năm 2021</u> và cùng cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ. Bản Điều lệ này sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần.</p>	
--	---	--

<p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>[...]</p> <p>1.6. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là <u>Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm.</u></p> <p>1.8. “Văn bản pháp luật” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 2 <u>Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03/06/2008</u> và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm.</p> <p>1.10 “Những người liên quan” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong <u>khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán 2006.</u></p> <p>[...]</p>	<p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>[...]</p> <p>1.6. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là <u>59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020</u> và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm.</p> <p>1.8. “Văn bản pháp luật” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 2 <u>Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số: 23/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020</u> và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm.</p> <p>1.10 “Những người liên quan” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong <u>khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán 2019.</u></p> <p>[...]</p> <p>1.15. “Người có quan hệ gia đình” có nghĩa là bất kỳ cá nhân nào được quy định tại Khoản 22, Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>	<p>Dẫn chiếu phù hợp với văn bản pháp luật hiện hành</p> <p>Bổ sung để dẫn chiếu cho Điều 45 Điều lệ này.</p>
--	---	---

<p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty. Tổng công ty có thể phát hành Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần có xác nhận số cổ phần của cổ đông sở hữu thay cho các cổ phiếu.</p> <p><u>Sổ chứng nhận này cũng là chứng từ làm cơ sở để thực hiện các thủ tục và bút toán chuyển nhượng cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.</u></p> <p>2. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: [...]</p> <p>2.4. Họ, tên, <u>địa chỉ thường trú</u>, quốc tịch, <u>số Thẻ căn cước công dân</u>, <u>Giấy chứng minh nhân dân</u>, <u>Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc <u>số quyết định thành lập</u>, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;</p> <p>2.5. <u>Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần</u>; [...]</p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.</p> <p>Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:</p>	<p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty. Tổng công ty có thể phát hành Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần có xác nhận số cổ phần của cổ đông sở hữu thay cho các cổ phiếu.</p> <p>- Bỏ nội dung này</p> <p>2. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: [...]</p> <p>2.4. Họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc</u>, quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc <u>số giấy tờ pháp lý của tổ chức</u>, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</p> <p>- Bỏ nội dung này [...]</p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.</p> <p>Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:</p>	<p>- Sửa đổi phù hợp với thực tế do công ty đã niêm yết trên thị trường Upcom</p> <p>- Sửa đổi phù hợp Điều 121 Luật doanh nghiệp 2020</p>
--	--	--

<p><u>4.1. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Tổng công ty để tiêu hủy;</u></p> <p>4.2. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p> <p>Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Tổng công ty cấp cổ phiếu mới.</p>	<p><u>4.1. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</u></p> <p>4.2. <u>Cam kết</u> chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p> <p>- Bỏ quy định này</p>	
<p>Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông</p> <p>2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây: [...]</p> <p><u>2.4. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</u></p> <p>3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc <u>Trung tâm lưu ký chứng khoán</u>. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép <u>nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Tổng công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán</u>.</p>	<p>Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông</p> <p>2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây: [...]</p> <p>2.4. Họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc</u>, quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp <u>hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức</u>, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</p> <p>3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc <u>các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông</u>. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép <u>tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông tại sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Tổng công ty</u>.</p>	<p>- Sửa đổi phù hợp Điều 122 Luật doanh nghiệp 2020</p>

<p>Điều 9. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu [...]</p> <p>2. Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho cổ đông của Tổng công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.</p>	<p>Điều 9. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu [...]</p> <p>2. Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho cổ đông của Tổng công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p>	<p>- Sửa đổi phù hợp Điều 124 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần 1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần. [...]</p>	<p>Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần 1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần. [...]</p>	<p>- Sửa đổi phù hợp Điều 127 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 15. Mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng công ty [...]</p> <p>3. Tổng công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Tổng công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Tổng công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty,</p>	<p>Điều 15. Mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng công ty [...]</p> <p>3. Tổng công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Tổng công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Tổng công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của</p>	

<p>tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Tổng công ty.</p> <p>Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi <u>chào bán</u> cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Tổng công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. <u>Chào bán</u> phải có họ, tên, <u>địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Tổng công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.</u></p>	<p>Tổng công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Tổng công ty.</p> <p>Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi <u>văn bản đồng ý bán</u> cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Tổng công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. <u>Văn bản đồng ý bán cổ phần</u> phải có họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Tổng công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.</u></p>	<p>- Sửa đổi phù hợp Điều 133 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p><u>Điều 16. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại</u></p> <p>[...]</p> <p>2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại <u>khoản 4 Điều 111</u> của Luật doanh nghiệp. Tổng công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Tổng công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần,</p>	<p><u>Điều 16. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại</u></p> <p>[...]</p> <p>2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại <u>khoản 4 Điều 112</u> của Luật doanh nghiệp. Tổng công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Tổng công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần,</p>	<p>- Sửa đổi phù hợp Điều 134 Luật doanh nghiệp 2020</p>

<p>trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p>	<p>trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p>	
<p><u>Điều 19. Quyền hạn của cổ đông</u> [...]</p> <p>4. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông <u>nắm giữ từ mười phần trăm (10%) cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu (06) tháng trở lên</u>, có các quyền sau:</p> <p>4.1. Đề cử người vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại các khoản 2 Điều 33 và khoản 4 Điều 43 Điều lệ này.</p> <p>4.2. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi xảy ra một trong các hiện tượng sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế; <p>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc <u>số quyết định thành lập</u>, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của</p>	<p><u>Điều 19. Quyền hạn của cổ đông</u> [...]</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên</u> có quyền sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển sang Khoản 5 Điều này <p>4.2. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi xảy ra một trong các hiện tượng sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; - Bỏ quy định này <p>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc <u>số giấy tờ pháp lý</u>, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>- Sửa đổi phù hợp quy định tại khoản 2,3,4,5 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020</p>

<p>Tổng công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p> <p>Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường chậm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhóm cổ đông yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường;</p> <p>4.3. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.</p> <p>4.4. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>4.5. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4</p>	<p>Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p> <p>Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường chậm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhóm cổ đông yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường;</p> <p>4.3. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.</p> <p>4.4. Xem xét, <u>tra cứu</u>, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, <u>quyết định</u> của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, <u>hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;</u></p> <p>- Bỏ quy định này.</p> <p><u>5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại các khoản 2 Điều 33 và khoản 4 Điều 43 Điều lệ này.</u></p> <p>6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4</p>	
---	---	--

<p>Điều này khi thực hiện các quyền quy định tại điểm 4.3, 4.4, 4.5 phải lập yêu cầu bằng văn bản bao gồm các nội dung sau: họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc <u>số quyết định thành lập</u>, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.</p>	<p>Điều này khi thực hiện các quyền quy định tại điểm 4.3, 4.4, 4.5 phải lập yêu cầu bằng văn bản bao gồm các nội dung sau: họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc <u>số giấy tờ pháp lý</u>, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.</p>	
<p>Điều 20. Nghĩa vụ của các Cổ đông [...] 5. Bảo vệ lợi ích, tài sản và giữ bí mật nghề nghiệp về các hoạt động của Tổng công ty, tham gia các công việc chung của Tổng công ty khi được phân công;</p>	<p>Điều 20. Nghĩa vụ của các Cổ đông [...] 5. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p>	<p>- Sửa đổi phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 119 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 21. Đại hội đồng cổ đông [...] 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm họp một (01) lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn</u>, nhưng không quá sáu (06)</p>	<p>Điều 21. Đại hội đồng cổ đông [...] 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm họp một (01) lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết,</u></p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung phù hợp quy định tại Điều 139 Luật doanh nghiệp 2020</p>

tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm.

Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các Cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo.

Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Tổng công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Khi phát sinh những vấn đề bất thường ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính . Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các Cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Tổng công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Khi phát sinh những vấn đề bất thường ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

**- Bổ sung phụ
hợp khoản 4,
điều 273,
Nghị định
155/2020/NĐ-
CP hướng
dẫn Luật
chứng khoán.**

<p>[...]</p> <p>3.3.Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;</p>	<p>[...]</p> <p>3.3. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p>	<p>- Bổ sung phù hợp quy định khoản 4, Điều 160 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>[...]</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>[...]</p> <p><u>2.11. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>2.12. Tổng công ty mua lại hơn mười phần trăm (10%) một loại cổ phần phát hành;</p> <p>2.13. Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng</p>	<p>Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>[...]</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>[...]</p> <p><u>2.11. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</u></p> <p>2.12. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>2.13. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p> <p>- Bỏ quy định này</p>	<p>- Phù hợp với thực tế hoạt động của Tổng công ty</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 138 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>- Phù hợp với Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-</p>

<p><u>quản trị</u></p> <p><u>2.14. Tổng công ty hoặc các chi nhánh của Tổng công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 41 của Điều lệ này với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các chi nhánh của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</u></p>	<p><u>2.14. Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định tại Khoản 3 Điều 42 của Điều lệ này</u></p>	<p>CP hướng dẫn Luật chứng khoán - Dẫn chiếu quy định, tránh lặp lại.</p>
<p><u>Điều 23. Các đại diện được ủy quyền</u></p> <p><u>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</u></p> <p><u>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</u></p> <p><u>2.1. Trường hợp cổ đông là cá nhân ủy quyền cho cá nhân thì phải có chữ ký của Cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</u></p> <p><u>2.2. Trường hợp cổ đông là cá nhân ủy quyền cho tổ chức thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người đại diện</u></p>	<p><u>Điều 23. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</u></p> <p><u>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 9 Điều 20 Điều lệ này. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</u></p> <p><u>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự hoặc theo mẫu của Tổng công ty gửi kèm thông báo mời họp. Văn bản ủy quyền phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn</u></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp 2020</p>

<p>theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp; 2.3.Trường hợp cổ đông là tổ chức ủy quyền cho cá nhân thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Việc cử người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức được thực hiện theo quy định tại <u>Điều 15 của Luật doanh nghiệp 2014.</u></p> <p>Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định Điều 15 của Luật doanh nghiệp theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.2014 thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện</p>	<p>ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Việc cử người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức được thực hiện theo quy định tại <u>Điều 14 của Luật doanh nghiệp 2020.</u></p> <p>- Bỏ quy định này</p>	
<p>Điều 25. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo [...]</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những <u>nhiệm vụ</u> sau đây:</p> <p>2.1. Chuẩn bị danh sách các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty; chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với luật pháp và các qui định của Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải ghi rõ họ tên, <u>địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần mà cổ đông đó nắm giữ</u> và được lập không sớm hơn <u>năm (05) ngày</u> trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội</p>	<p>Điều 25. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo [...]</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các <u>công việc</u> sau đây:</p> <p>2.1. Chuẩn bị danh sách các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải ghi rõ họ tên, <u>địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày</u></p>	<p>- Sửa đổi phù hợp quy định tại Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

<p>đồng cổ đông.</p> <p>[...]</p> <p>3. Thông báo mời họp phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>10 ngày</u> trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu: Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 4 Điều 19 của Điều lệ này có quyền <u>đề xuất</u> các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Đề xuất</u></p>	<p><u>đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</u></p> <p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không quá 10 ngày</u> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p><u>Tổng công ty phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.</u></p> <p>[...]</p> <p>3. Thông báo mời họp phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>21 ngày</u> trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. - <u>Phiếu biểu quyết.</u> - <u>Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</u> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 4 Điều 19 của Điều lệ này có quyền <u>kiến nghị</u> vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Kiến nghị</u></p>	<p>- Bổ sung phù hợp Khoản 4 – Điều 11 – Thông tư 96/2020/TT-BTC</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020 và thực tế hoạt động của Tổng công ty.</p> <p>- Sửa đổi phù hợp Khoản 2, Điều 142 Luật</p>
---	--	--

<p>phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Đề xuất</u> phải bao gồm họ tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung <u>đề nghị</u> đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những <u>đề xuất</u> liên quan đến khoản 4 Điều này nếu:</p> <p>5.1. <u>Đề xuất</u> không được gửi đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>5.2. Vào thời điểm <u>đề xuất</u>, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ <u>ít nhất mười phần trăm (10%)</u> cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu (06) tháng trở lên;</p> <p>5.3. Vấn đề <u>đề xuất</u> không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua các Nghị quyết;</p> <p>.</p>	<p>phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Kiến nghị</u> phải bao gồm họ tên cổ đông, số lượng <u>từng</u> loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung <u>kiến nghị</u> đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những <u>kiến nghị</u> liên quan đến khoản 4 Điều này nếu:</p> <p>5.1. <u>Kiến nghị</u> không được gửi đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>5.2. Vào thời điểm <u>kiến nghị</u>, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ <u>từ năm phần trăm (5%)</u> cổ phần phổ thông <u>trở lên.</u> trong thời gian liên tục từ sáu (06) tháng trở lên;</p> <p>5.3. Vấn đề <u>đề xuất</u> không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua các Nghị quyết;</p> <p>Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ</p>	<p>doanh nghiệp 2020.</p> <p>- Sửa đổi phù hợp Khoản 3, Điều 142 Luật doanh nghiệp 2020.</p>
--	--	--

	trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	
<p>Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <u>ít nhất năm mươi một phần trăm (51%)</u> cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội đồng cổ đông (lần triệu tập thứ nhất), Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại (lần thứ hai) chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho <u>ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%)</u> cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội đồng cổ đông (lần triệu tập thứ hai), Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai, và trong trường hợp này Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ</p>	<p>Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <u>trên năm mươi phần trăm (50%)</u> tổng số phiếu biểu quyết</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội đồng cổ đông (lần triệu tập thứ nhất), Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại (lần thứ hai) chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện <u>từ ba mươi ba phần trăm (33%)</u> tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội đồng cổ đông (lần triệu tập thứ hai), Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai, và trong trường hợp này Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ</p>	<p>- Sửa đổi phù hợp Điều 145 Luật doanh nghiệp 2020.</p>

<p>đồng hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</p>	<p>đồng hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</p>	
<p>Điều 27: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông [...] 2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau: 2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp; [...]</p>	<p>Điều 27: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông [...] 2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau: 2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp; [...] 10. Tổng công ty có thể tổ chức Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc kết hợp giữa</p>	<p>-</p> <p>Bổ sung phù hợp điểm a, khoản 2 Điều 146 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>- Bổ sung phù hợp Khoản 10</p>

	<p>hình thức hội nghị trực tuyến với hội nghị trực tiếp. Thẩm quyền, điều kiện, cách thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo các hình thức này được quy định cụ thể trong Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>	<p>– Điều 22 – Điều lệ mẫu công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 28. Thông qua <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 28. Thông qua <u>ng nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>1.2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Tổng công ty; - Định hướng phát triển Tổng công ty; - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo 	<p>- Bổ sung phù hợp 147 Luật doanh nghiệp 2020</p>

<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện <u>ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%)</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành trong các trường hợp sau:</p> <p>....</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho <u>ít nhất năm mươi một phần trăm (51%)</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này</p>	<p>cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; - Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty. <p>1.3. Ngoài các vấn đề quy định tại khoản 1.2 Điều này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>2. Điều kiện đề nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>2.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện <u>từ 65%</u> tổng số phiếu biểu quyết <u>trở lên</u> của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2.3, 2.4 và 2.6 Điều này:</p> <p>....</p> <p>2.2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu <u>trên 50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2.1, 2.3, 2.4 và 2.6 Điều này.</p> <p>2.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung phù hợp quy định Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020</p>
---	---	---

3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết tán thành;

4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua dưới hình thức đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty hoặc một thời gian khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

2.4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

2.5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua dưới hình thức đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty hoặc một thời gian khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2.6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông

	<p>sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	
<p>Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo <u>quyết định</u> và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;</p>	<p>Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 1.2 Điều 28 Điều lệ này.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo <u>nghị quyết</u> Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo <u>nghị quyết</u> và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết <u>chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến</u> . <u>Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy</u></p>	<p>- Bổ sung phù hợp Khoản 1 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>- Sửa đổi phù hợp Khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020</p>

<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>3.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Tổng công ty;</u></p> <p>3.2. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>3.3. Họ, tên, <u>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc số Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</u></p> <p>3.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>3.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>3.6. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>3.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và <u>người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty;</u></p> <p>4. <u>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</u></p>	<p><u>định tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ này.</u></p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>3.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>mã số doanh nghiệp;</u></p> <p>3.2. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>3.3. Họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</u></p> <p>3.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>3.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>3.6. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>3.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p><u>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</u></p> <p>a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời</p>	<p>- Sửa đổi phù hợp Khoản 3 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020</p>
--	---	---

<p><u>Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.</u></p> <p>Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>5.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</u></p> <p>5.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua <u>quyết định;</u></p> <p>5.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh</p>	<p><u>phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</u></p> <p><u>b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</u></p> <p>c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>5.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>mã số doanh nghiệp;</u></p> <p>5.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua <u>ngợi quyết;</u></p> <p>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết</p>	<p>- Sửa đổi phù hợp Khoản 4 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>- Sửa đổi phù</p>
---	--	---

<p>sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>5.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>5.5. <u>Các quyết định đã được thông qua;</u></p> <p>5.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty và của người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p> <p>6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu dưới hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty hoặc một thời gian khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>5.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>5.5. <u>Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</u></p> <p>5.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p>	<p>hợp Khoản 5 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>- Sửa đổi phù hợp Khoản 6</p>
--	---	---

		Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020
<p>Điều 30: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>1.9. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p>	<p>Điều 30: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>1.9. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	<p>- Bổ sung phù hợp Khoản 1 Điều 150 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, <u>cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, <u>cổ đông, nhóm cổ đông</u> quy định tại khoản 4 Điều <u>19 của Điều lệ này</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ <u>nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết</u> Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>- Sửa đổi phù hợp Điều 151 Luật doanh nghiệp 2020</p>

<p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>không thực hiện đúng theo quy định</u> của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>2. Trình tự, <u>thủ tục ra quyết định</u> và nội dung <u>quyết định</u> vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.</p>	<p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp <u>và ra quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông <u>vi phạm nghiêm trọng quy định</u> của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 32 của Điều lệ này</p> <p>2. Nội dung <u>ngghi quyết</u> vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.</p>	
<p>Điều 32. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>[...]</p> <p>2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	<p>Điều 32. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>[...]</p> <p>2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</p>	<p>- Bổ sung theo Điều 152 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 33: Thành phần và nhiệm kỳ của hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>Điều 33: Thành phần và nhiệm kỳ của hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho</p>	<p>- Bổ sung phù hợp với Khoản 2,3 Điều 154 Luật doanh nghiệp</p>

<p>2. Các cổ đông nắm giữ <u>từ mười phần trăm (10%)</u> số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm <u>có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Tổng công ty quy định</u>. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> <p>4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại <u>Điều 151</u> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>2. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo có ít nhất 1 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành (Thành viên độc lập HĐQT). Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm <u>giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị</u>. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại <u>Điều 155</u> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>2020</p> <p>- Bổ sung phù hợp Khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 25 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>- Dẫn chiếu</p>
--	--	---

<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>5.1. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều 151 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>5.2. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty;</p> <p>5.4. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>5.5. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</p>	<p>6. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>6.1. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Điều 155 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>6.2. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm trong trường hợp không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>8. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều này.</p> <p>9. Trừ trường hợp quy định tại điểm 3.3 Điều 21 của Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p>	<p>VBPL</p> <p>- Sửa đổi phù hợp Điều 160 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>- Sửa đổi phù hợp Khoản 3,4 Điều 160 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p>	

<p>2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây: [...]</p> <p>2.8. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. <u>Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 2.12 Điều 22 của Điều lệ này, khoản 1 và khoản 3 Điều 41 của Điều lệ này.</u></p> <p>2.16. Quyết định việc Tổng công ty mua lại hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng. [...]</p> <p>2.18. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây: [...]</p> <p>2.8. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, <u>trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 2.4 khoản 2 Điều 22, khoản 1 và khoản 3 Điều 42 của Điều lệ này;</u></p> <p>- Bỏ quy định này</p> <p>[...]</p> <p>2.17. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>2.17. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Tổng công ty.</p> <p>2.18. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.</p> <p>2.19. Đảm bảo hoạt động của Tổng công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng công ty.</p> <p>2.20. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và</p>	<p>- Sửa đổi phù hợp Điều 149 Luật doanh nghiệp</p> <p>- Đã quy định Khoản 1 Điều 15 Điều lệ</p> <p>- Phù hợp với thẩm quyền của HĐQT.</p> <p>- Bổ sung phù hợp Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
--	---	---

<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;</p> <p>[...]</p>	<p>công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.</p> <p>2.21. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>2.22. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Tổng công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.</p> <p>2.23. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty.</p> <p>2.24. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty.</p> <p>2.25. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;</p> <p>[...]</p>	<p>- Bổ sung phụ hợp Khoản 2 Điều 163 Luật doanh nghiệp 2020</p>
--	---	---

<p>8. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.</p>	<p>8. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.</p> <p>Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.</p>	<p>- Bổ sung phù hợp Khoản 4 Điều 153 Luật doanh nghiệp 2020.</p>
<p>Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch hội đồng quản trị.</p> <p>1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và nếu thấy cần thiết thì bầu thêm một Phó chủ tịch. Chủ tịch hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc Tổng công ty, trừ khi Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác. Nếu Cổ đông chấp thuận rằng Chủ tịch có thể đồng thời là Tổng giám đốc, quyết định này cần phải được phê chuẩn hàng năm vào kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>[...]</p>	<p>Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch hội đồng quản trị.</p> <p>1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và nếu thấy cần thiết thì bầu thêm một Phó chủ tịch. Chủ tịch hội đồng quản trị không được kiêm chức Tổng giám đốc Tổng công ty</p> <p>[...]</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Khoản 2 Điều 156 Luật doanh nghiệp 2020.</p>

<p>Điều 36. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị [...]</p> <p>3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: [...]</p> <p><u>3.3. Hai phần ba (2/3) thành viên Ban kiểm soát.</u></p> <p>6. Thông báo mời họp được gửi bằng <u>buu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác</u>, nhưng phải bảo đảm đến được <u>địa chỉ</u> của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.</p> <p>7. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>7.1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: [...]</p> <p>7.1.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến <u>hoặc hình thức tương tự khác</u>;</p> <p>11. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng</p>	<p>Điều 36. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị [...]</p> <p>3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: [...]</p> <p><u>3.3. Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</u></p> <p>6. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị <u>có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác</u> nhưng bảo đảm đến được <u>địa chỉ liên lạc</u> của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.</p> <p>7. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>7.1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: [...]</p> <p>7.1.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, <u>bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác</u>;</p> <p>- Bỏ quy định này</p>	<p>- Sửa đổi phù hợp Khoản 3 Điều 157 Luật doanh nghiệp.</p> <p>- Sửa đổi phù hợp Khoản 6 Điều 157 Luật doanh nghiệp.</p> <p>- Sửa đổi phù hợp Khoản 9 Điều 157 Luật doanh nghiệp.</p> <p>- Phù hợp với thực tế hoạt động và pháp luật không có quy định.</p>
---	---	---

<p>quản trị sau đây:</p> <p>11.1. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>11.2. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.</p> <p>Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.</p> <p>11.3. Các nghị quyết của HĐQT phải được lưu giữ tại trụ sở Tổng công ty trong thời gian 10 năm kể từ ngày tổ chức cuộc họp.</p> <p>12. Biên bản họp Hội đồng quản trị:</p> <p>12.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>[...]</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các vấn đề đã được thông qua; - Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản. 	<p>11. Các nghị quyết của HĐQT phải được lưu giữ tại trụ sở Tổng công ty trong thời gian 10 năm kể từ ngày tổ chức cuộc họp.</p> <p>12. Biên bản họp Hội đồng quản trị:</p> <p>12.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>[...]</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; - Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 12.2 Điều này. 	<p>- Bổ sung phụ hợp khoản 1, 2 Điều 158 Luật doanh nghiệp 2020</p>
---	---	--

	<p>12.2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại mục 12.1 Điều này (trừ nội dung về họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản) thì biên bản này có hiệu lực.</p> <p>[...]</p>	
<p><i>Chưa quy định</i></p>	<p>Điều 37. Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị Tổng Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng Công ty và cổ đông;</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p>	<p>- Bổ sung phù hợp Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

	<p>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d) Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công ty;</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty;</p> <p>j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</p>	
<p>Điều 38. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc [...]</p> <p>3. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc: Tổng giám đốc Tổng công ty phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:</p> <p>4. Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng giám đốc: 4.1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty <u>mà không cần phải</u></p>	<p>Điều 39. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc [...]</p> <p>3. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc: Tổng giám đốc Tổng công ty phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:</p> <p>3.5. Không thuộc đối tượng quy định tại điểm b, khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng giám đốc: 4.1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty <u>không thuộc</u></p>	<p>- Bổ sung phù hợp điểm b khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>- Sửa đổi phù hợp Khoản 3</p>

<p><u>có quyết định của Hội đồng quản trị;</u> 4.2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị</p>	<p><u>thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</u> 4.2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p>	<p>Điều 157 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 39. Thư ký Tổng công ty Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một hoặc nhiều Thư ký Tổng công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm một Thư ký Tổng công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định pháp luật về lao động hiện hành. Có thể cử hai hay nhiều người cùng làm Thư ký Tổng công ty. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý thư ký Tổng công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Tổng công ty bao gồm:</p> <p><u>1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</u> <u>2. Làm biên bản các cuộc họp;</u> <u>3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</u> <u>4. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</u></p> <p>5. Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công</p>	<p>Điều 40. Thư ký Tổng công ty Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một hoặc nhiều Thư ký Tổng công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm một Thư ký Tổng công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định pháp luật về lao động hiện hành. Có thể cử hai hay nhiều người cùng làm Thư ký Tổng công ty. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý thư ký Tổng công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Tổng công ty bao gồm:</p> <p><u>1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</u> <u>2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</u> <u>3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</u> <u>4. Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</u></p> <p>5. Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng</p>	<p>- Sửa đổi phù hợp Khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp 2020</p>

<p>ty.</p> <p>Điều 41. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận</p> <p>1. Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <p>1.1. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>1.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;</p> <p>1.3 <u>Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất....</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này.</p>	<p>công ty.</p> <p>Điều 42. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận</p> <p>1. Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <p>1.1. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>1.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;</p> <p>1.3 <u>Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp</u></p> <p>2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất....</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:</p> <p>a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa</p>	<p>-</p> <p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 167 Luật doanh nghiệp 2020</p>
---	---	---

<p>4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật <u>khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho Tổng công ty; ...</u></p>	<p>công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p> <p>4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật <u>khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; ...</u></p>	
<p>Điều 42. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.</p> <p>1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) số cổ phần phổ thông hiên tục trong thời hạn sáu (06) tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Tổng công ty khởi kiện <u>trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:</u> [...]</p>	<p>Điều 43. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.</p> <p>1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Tổng công ty khởi kiện <u>trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:</u> [...]</p> <p>3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.</p>	<p>- Bổ sung phù hợp Điều 166 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 43. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát của Tổng công ty có ba (03) trong đó có ít nhất một (01) thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty</p>	<p>Điều 44. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát của Tổng công ty có ba (03) Kiểm soát viên.</p> <p>- Chuyển sang quy định tại Điều 45</p>	

và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc tại Tổng công ty.

[...]

4. Các cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất ~~sáu (06) tháng~~ có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết: từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử một (01) thành viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử hai (02) thành viên; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử ba (03) thành viên.

2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

[...]

4. Các cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết: từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử một (01) thành viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử hai (02) thành viên; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử ba (03) thành viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy

- Sửa đổi phù hợp Khoản 2 Điều 168 Luật Doanh nghiệp 2020.

Sửa đổi phù hợp Khoản 5 Điều 115 LDN 2020

- Bổ sung phù hợp Khoản 5 Điều 115 LDN 2020

<p>5. Các <u>thành viên của Ban kiểm soát</u> do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>6. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.</p> <p>7. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>7.1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và</p>	<p>chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Các <u>Kiểm soát viên</u> do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>6. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.</p> <p>Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>7. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>7.1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao, thưởng và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm</p>	<p>- Chuyển sang quy định tại Điều 45 Điều lệ</p> <p>- Bổ sung phụ hợp Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p> <p>Bổ sung phụ hợp Khoản 1</p>
---	--	--

<p>được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;</p> <p>[...]</p>	<p>soát;</p> <p>[...]</p>	<p>Điều 172 LDN 2020</p>
<p>Điều 44: Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên:</p> <p>Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;</p> <p>2. Không phải là <u>vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột</u> của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>3. Không được giữ các chức vụ quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;</p> <p>4. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.</p>	<p>Điều 45: Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên:</p> <p>Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;</p> <p>2. Không phải là <u>người có quan hệ gia đình</u> của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>3. Không được giữ các chức vụ quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;</p> <p>4. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</p> <p>5. Không thuộc các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty; - Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán 	<p>- Sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 196 LDN 2020</p> <p>- Bổ sung phù hợp Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-</p>

	<p>được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>6. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.</p>	<p>CP</p>
<p>Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát: [...]</p> <p>3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>[...]</p> <p>12. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty;</p>	<p>Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát: [...]</p> <p>3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>[...]</p> <p>12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>13. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên</p>	<p>- Bổ sung phù hợp Khoản 3 Điều 170 LDN 2020</p> <p>- Bổ sung phù hợp Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

	<p>Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>14. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>15. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p>	
<p>Điều 48: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p> <p>1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 44 của Điều lệ này;</p> <p>1.2. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>1.3. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>1.4. Các trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.</p> <p>2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>2.1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>2.2. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Điều lệ này và Luật</p>	<p>Điều 49: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:</p> <p>1.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 45 của Điều lệ này;</p> <p>1.2. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>1.3. Các trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:</p> <p>2.1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>2.2. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Điều lệ này</p>	<p>- Sửa đổi phù hợp Điều 174 Luật doanh nghiệp 2020</p>

<p>doanh nghiệp;</p> <p>2.3. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>và Luật doanh nghiệp;</p> <p>2.3. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>2.4. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>Điều 49. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 4 Điều 19 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại trụ sở đăng ký của Tổng công ty <u>danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó</u>. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền hợp lệ của cổ đông mà người đó đại diện.</p>	<p>Điều 50. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 4 Điều 19 của Điều lệ này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục <u>sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty.</u></p> <p>3. Việc thực hiện quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 1, khoản 2 điều này có thể thực hiện trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền. Trường hợp đại diện được uỷ quyền của</p>	<p>- Bổ sung, sửa đổi phù hợp Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020</p>

	<p>cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>Cổ đông, nhóm cổ đông, người đại diện ủy quyền phải gửi văn bản yêu cầu nêu rõ nội dung kiểm tra. Việc kiểm tra được thực hiện tại trụ sở chính của Tổng công ty.</p> <p>6. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty</p>	
<p>Điều 52. Cổ tức [...]</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu trách nhiệm. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Tổng công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Tổng công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.</p>	<p>Điều 53. Cổ tức [...]</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Tổng công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Tổng công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 132 Luật doanh nghiệp</p>

<p>Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.</p>	<p>Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p>	
<p>Điều 56. Các báo cáo. [...]</p>	<p>Điều 57. Các báo cáo. [...] 5. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 6. Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>- Bổ sung phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán, chứng khoán và hoạt động thực tế của Tổng công ty.</p>
<p>Điều 58. Kiểm toán <u>1.</u> Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. [...]</p>	<p>Điều 59. Kiểm toán 1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. [...] 4. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty. 5. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty được tham dự</p>	<p>- Bổ sung phù hợp Điều 57 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	<p>các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.</p>	
<p>Điều 61. Thanh lý [...] 3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau: <u>3.2. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;</u></p>	<p>Điều 62. Thanh lý [...] 3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau: <u>3.2. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</u></p>	<p>Bổ sung phù hợp Điều 60 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 62. Ngày hiệu lực 1. Bản Điều lệ này gồm <u>XIX</u> chương, <u>62</u> Điều, được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần nhất trí thông qua <u>ngày 02 tháng 05 năm 2020</u> tại Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần, địa chỉ Sài Đồng - Long Biên - Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua.</p>	<p>Điều 63. Ngày hiệu lực 1. Bản Điều lệ này gồm <u>XIX</u> chương, <u>63</u> Điều, được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần nhất trí thông qua <u>ngày 17 tháng 04 năm 2021</u> tại Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần, địa chỉ Sài Đồng - Long Biên - Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua.</p>	<p>- Sửa đổi theo ngày tháng ban hành.</p>

Phụ lục trên là một phần không thể thiếu của Tờ trình sửa đổi Điều lệ hoạt động Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần./.

Ghi chú:

- Phần gạch chân là các nội dung sửa đổi
- Phần in đậm là các nội dung bổ sung thêm.